TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2023/DS-ST
Ngày: 29/6/2023
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

****

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thị Đúng.
2- Ông Vũ Huy Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH Một thành viên C**.

Trụ sở chính: 2A41 Tỉnh lộ 10 xã P, huyện B, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Mạnh H, sinh năm 1985; Địa chỉ: 6B48/1 Tổ 10, ấp 6 xã P, huyện B, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 59/GUQ-CT ngày 24/4/2023).

Bị đơn: **Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải T**;

Địa chỉ trụ sở chính: A13/17 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1979; Địa chỉ: A13/17 ấp 1 xã L, huyện B, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Hồ Thanh T**, sinh năm 1979;
- Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1983;

- Trẻ **Hồ Ngọc Phương T**, sinh năm 2006;
- Trẻ **Hồ Ngọc Phương Th**, sinh năm 2010;
- Trẻ **Hồ Thanh B**, sinh năm 2020;

Đại diện hợp pháp cho trẻ T, Th và B có ông Hồ Thanh T, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: A13/17 ấp 1 xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C có đại diện theo ủy quyền là ông Cao Mạnh H trình bày:

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 Công ty TNHH Một thành viên C (gọi tắt là Công ty C) và Công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ vận tải T (gọi tắt là Công ty T) ký kết Hợp đồng số: 02/HĐMBCT-2020 về hợp đồng nguyên tắc dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa. Công ty Cây trồng đã bàn giao mặt bằng tại địa chỉ Lô 2 Kho bãi số 2 ấp 1 đường M, xã L, huyện B, Thành phố H cho Công ty T. Hợp đồng có thời hạn từ 01/4/2020 đến hết ngày 01/4/2022. Hết hạn hợp đồng, Công ty C tiến hành thanh lý hợp đồng và không có nhu cầu ký lại hợp đồng, đề nghị Công ty T phải di dời tài sản và hoàn trả lại mặt bằng như các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa.

Ngày 24/3/2022 Công ty C phát hành Thông báo số 39/TB-CT về việc chấm dứt Hợp đồng số 02/HĐMBCT-2020 và đề nghị Công ty T thanh lý hợp đồng, bàn giao mặt bằng.

Ngày 25/3/2022 Công ty T gửi đơn xin gia hạn hợp đồng, do chưa tìm thấy được mặt bằng mới để di dời.

Ngày 25/4/2022 Công ty Cây trồng và Công ty T đã tiến hành ký Biên bản thanh lý hợp đồng số: 02/HĐMBCT-2020.

Ngày 26/4/2022 Công ty T gửi đơn xin cứu xét đề nghị được dời ngày di dời hàng hóa, thiết bị máy móc ra khỏi mặt bằng của Công ty C thời hạn là 3 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.

Ngày 18/5/2022 Công ty C đã gửi Thông báo số 98/TB-CT về việc giải quyết đơn xin cứu xét gia hạn hợp đồng thuê dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa và yêu cầu Công ty T hoàn trả lại mặt bằng đúng như hợp đồng đã ký.

Sau nhiều lần vận động, yêu cầu Công ty T thực hiện hoàn trả mặt bằng nhưng Công ty T cương quyết không thực hiện nên ngày 15/6/2022 Công ty C có Thông báo số 116/TB-CT về việc yêu cầu Công ty T khẩn trương hoàn trả mặt bằng Kho, bãi cho Công ty C nhưng Công ty T vẫn cương quyết không thực hiện.

Ngày 21/7/2022 Công ty C ra Thông báo số 136/TB-CT (lần 2) và ngày 30/8/2022 ra thông báo lần 3 yêu cầu Công ty T di dời tài sản và hoàn trả mặt

bằng nhưng phía Công ty T vẫn cương quyết không thực hiện, không di dời tài sản, hàng hóa để hoàn trả mặt bằng. Do đó, Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty T trả lại phần diện tích đất tại các vị trí (6) (7) (8) (9) (10) (11) được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 23/5/2023 (Số hợp đồng: 15491/TTĐĐBĐ-VPĐD (CS1)) có tổng diện tích 1.392,8m^2 thuộc một phần thửa 18 tờ bản đồ số 1, 4 Bộ địa chính xã L, huyện B, Thành phố H, tương ứng một phần thửa 204 tờ bản đồ thứ 1 Bộ địa chính L, huyện B, Thành phố H.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ vận tải T có đại diện theo pháp luật là ông Hồ Thanh T trình bày:

Ngày 30/3/2020 Công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ vận tải T (gọi tắt là Công ty T) do ông làm đại diện theo pháp luật ký hợp đồng nguyên tắc dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa số 02/HĐMBCT-2020 với Công ty TNHH Một thành viên C (gọi tắt là Công ty C) với giá thuê mỗi tháng là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), thời hạn thuê là 02 năm từ ngày 01/4/2020 đến ngày 01/4/2022. Công ty TMT có giao cho Công ty C số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để đảm bảo thực hiện theo Điều 3 của Hợp đồng trên. Hiện nay, Công ty C đã hoàn trả lại cho Công ty T số tiền này.

Từ thời gian 01/4/2020 đến ngày 01/4/2022, Công ty T đã trả tiền thuê cho Công ty TNHH Một thành viên C đầy đủ mỗi tháng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Từ sau thời điểm ngày 01/4/2022 khi Công ty C yêu cầu Công ty T trả lại mặt bằng thì Công ty T không trả tiền thuê nữa.

Hiện nay, Công ty T, bà Nguyễn Thị Cẩm T, trẻ Hồ Ngọc Phương T, Hồ Ngọc Phương Th, Hồ Thanh B và ông đang trực tiếp quản lý, sử dụng phần hiện trạng (6) (7) (8) (9) (10) (11) có tổng diện tích 1.392,8m^2 thuộc một phần thửa 18 tờ bản đồ số 1, 4 Bộ địa chính xã L, huyện B, Thành phố H tương ứng một phần thửa 204 tờ bản đồ thứ 1 Bộ địa chính L, huyện B, Thành phố H được thể hiện Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 23/5/2023 (Số hợp đồng: 15491/TTĐĐBĐ-VPĐD (CS1)).

Ông xác định ông, Công ty T, bà Nguyễn Thị Cẩm T, trẻ Hồ Ngọc Phương T, Hồ Ngọc Phương Th, Hồ Thanh B không có yêu cầu gì khi Tòa án giải quyết vụ án này. Phần hiện trạng trên chúng tôi sẽ bàn giao lại cho nguyên đơn, chúng tôi không yêu cầu bồi thường chi phí xây dựng thêm phần hiện trạng trên.

Chúng tôi đề nghị Công ty C tạo điều kiện cho chúng tôi. Tháng 12/2023 chúng tôi sẽ hoàn trả lại phần hiện trạng (6) (7) (8) (9) (10) (11) có tổng diện tích 1392,8m^2 thuộc một phần thửa 18 tờ bản đồ số 1, 4 Bộ địa chính xã L, huyện B, Thành phố H tương ứng một phần thửa 204 tờ bản đồ thứ 1 Bộ địa chính L, huyện B, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có yêu cầu gì và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà T đã có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh T và ông T có ý kiến nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trẻ Hồ Ngọc Phương T, Hồ Ngọc Phương Th, Hồ Thanh B có đại diện hợp pháp là ông Hồ Thanh T và ông T có ý kiến nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Cao Mạnh H trình bày:

Sau khi Công ty C và Công ty T ký thanh lý hợp đồng, chúng tôi đã tạo mọi điều kiện về thời gian để cho Công ty T hoàn trả lại diện tích 1.392,8m^2 được thể hiện ở vị trí (6) đất trống, (7) đất trống, (8) nhà tôn, (9) tường gạch mái tôn, (10) đất trống, (11) đất trống tại Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 23/5/2023 (Số hợp đồng: 15491/TTĐĐBĐ-VPĐD (CS1)) thuộc một phần thửa 18 tờ bản đồ số 1, 4 Bộ địa chính xã L, huyện B, Thành phố H tương ứng một phần thửa 204 tờ bản đồ thứ 1 Bộ địa chính L, huyện B, Thành phố H mà Công ty T đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, Công ty T cố tình trì hoãn, không thực hiện theo các thỏa thuận, không hoàn trả mặt bằng nên Công ty C phải khởi kiện.

Công ty C xác định phần diện tích 1.392,8m^2 nêu trên là phần diện tích đất mà Công ty C đã cho Công ty T thuê để làm kho bãi theo Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa số: 02/HĐMBCT-2020 ngày 30/3/2020 và hiện Công ty T đang quản lý, sử dụng. Công ty C yêu cầu Công ty T phải giao trả lại phần đất nêu trên cho Công ty C.

Ông Hồ Thanh T trình bày:

Phần diện tích 1.392,8m^2 (được thể hiện ở vị trí (6) đất trống, (7) đất trống, (8) nhà tôn, (9) tường gạch mái tôn, (10) đất trống, (11) đất trống tại Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 23/5/2023 (Số hợp đồng: 15491/TTĐĐBĐ-VPĐD (CS1)) thuộc một phần thửa 18 tờ bản đồ số 1, 4 Bộ địa chính xã L, huyện B, Thành phố H tương ứng một phần thửa 204 tờ bản đồ thứ 1 Bộ địa chính L, huyện B, Thành phố H là phần diện tích đất mà Công ty C đã cho Công ty T thuê để làm kho bãi theo Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa số: 02/HĐMBCT-2020 ngày 30/3/2020.

Sau khi ký thanh lý hợp đồng với Công ty C, do chưa tìm được mặt bằng để di dời các máy móc, vật dụng, tài sản nên Công ty T chưa hoàn trả lại phần diện tích nêu trên cho Công ty C theo hợp đồng mà hai bên đã giao kết. Ông T xác định gia đình ông gồm: Ông (Hồ Thanh T), vợ ông là bà Nguyễn Thị Cẩm

T và các con của ông là trẻ Hồ Ngọc Phương T, trẻ Hồ Ngọc Phương Th, trẻ Hồ Thanh B hiện đang sinh sống trên phần diện tích đất này.

Ông xin cam kết Công ty T và gia đình ông sẽ trả lại phần diện tích đất nêu trên cho Công ty C. Phần hiện trạng (8) nhà tôn, (9) tường gạch mái tôn nêu trên không phải do Công ty T và gia đình ông tạo dựng mà đã tồn tại trước khi Công ty T ký hợp đồng với Công ty C. Trong vụ án này Công ty T và gia đình ông không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C (gọi tắt là Công ty C) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ vận tải T (gọi tắt là Công ty T) trả lại phần đất có diện tích 1.392,8m^2 thuộc một phần thửa 18 tờ bản đồ số 1, 4 Bộ địa chính xã L, huyện B, Thành phố H tương ứng một phần thửa 204 tờ bản đồ thứ 1 Bộ địa chính L, huyện B, Thành phố H phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa số: 02/HĐMBCT-2020 ngày 30/3/2020 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25/4/2022. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Trẻ Hồ Ngọc Phương T, Hồ Ngọc Phương Th, trẻ Hồ Thanh B có đại diện hợp pháp là ông Hồ Thanh T, ông T có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định đối tượng của Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa mà hai bên ký kết là phần diện tích đất 1.392,8m^2 thuộc một phần thửa 18 tờ bản

đồ số 1, 4 Bộ địa chính xã L, huyện B, Thành phố H tương ứng một phần thửa 204 tờ bản đồ thứ 1 Bộ địa chính L, huyện B, Thành phố H đang được Công ty T, ông Hồ Thanh T, bà Nguyễn Thị Cẩm T, trẻ Hồ Ngọc Phương T, Hồ Ngọc Phương Th, Hồ Thanh B trực tiếp quản lý, sử dụng thuộc các vị trí (6) đất trống, (7) đất trống, (8) nhà tôn, (9) tường gạch mái tôn, (10) đất trống, (11) đất trống được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 23/5/2023 (Số hợp đồng: 15491/TTĐĐBĐ-VPĐD (CS1) và Công ty C khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả.

Ông Hồ Thanh T cũng xác định phần hiện trạng (8) nhà tôn, (9) tường gạch mái tôn nêu trên đã tồn tại trên đất trước khi Công ty TMT ký hợp đồng với Công ty C. Công ty T và gia đình ông T không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ông T cam kết Công ty T và gia đình ông sẽ trả lại phần diện tích đất nêu trên cho Công ty C.

Căn cứ Quyết định số 5035/QĐ-UBND ngày 16/9/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Trích lục bản đồ địa chính của Trung tâm thông tin Tài Nguyên Môi trường và Đăng ký nhà đất (Nay là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố) thì phần đất thuộc một phần thửa 18 tờ bản đồ số 1,4 Bộ địa chính xã L, huyện B, Thành phố H đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H chấp thuận cho Công ty TNHH Một thành viên C được quyền quản lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, không để bị lấn, bị chiếm đất và không được cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất dưới bất kỳ hình thức nào. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn sử dụng đất: Từ ngày 01/01/1996 đến ngày 31/12/2045. Tuy nhiên, Công ty C đã vi phạm nguyên tắc sử dụng đất, không sử dụng đúng mục đích, vi phạm quy định Luật Đất đai. Cụ thể, ngày 30/3/2020 Công ty C ký Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa số: 02/HĐMBCT-2020 với Công ty T với thời hạn 02 năm, từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 01/4/2022. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng giữa hai bên được ký ngày 25/4/2022 thì Công ty C còn thu của Công ty T 331.800.000 đồng tiền phát sinh giữ hộ hàng hóa.

Như vậy, việc ký kết hợp đồng gửi, giữ hộ hàng hóa giữa Công ty C và Công ty T là trái với Quyết định số 5035/QĐ-UBND ngày 16/9/2013 Ủy ban nhân dân Thành phố H. Xét thấy, Hợp đồng số: 02/HĐMBCT-2020 về hợp đồng nguyên tắc dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa ngày 30/3/2020 đã hết hạn và ngày 25/4/2022 hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng, các bên không có yêu cầu gì đối với hợp đồng nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Mặc dù Hợp đồng số: 02/HĐMBCT-2020 về hợp đồng nguyên tắc dịch vụ gửi, giữ hộ hàng hóa ngày 30/3/2020 đã hết hạn và ngày 25/4/2022 các bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng, nhiều lần Công ty C có văn bản đề nghị Công ty T hoàn trả mặt bằng, kho bãi nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp, xâm phạm đến chính sách quản lý tài sản công.

Tại văn bản số 2398/UBND ngày 05/6/2023 Ủy ban nhân dân xã L cho biết: Phần hiện trạng nhà tôn, tường gạch mái tôn do cơ sở H xây dựng, hiện nay cơ sở H đã di dời đi nơi khác không có ở địa phương, thời điểm tạo lập trước 01/7/2004 (căn cứ tài liệu BĐĐC), nhà xây dựng không có giấy phép xây dựng, hiện nay Ủy ban nhân dân xã không có hồ sơ xử lý vi phạm đối với công trình này. Phần hiện trạng nhà tôn, tường gạch mái tôn, đất trống do ông Hồ Thanh T đang trực tiếp quản lý sử dụng, hiện có 05 người đang sinh sống trên phần hiện trạng này gồm ông Hồ Thanh T, bà Nguyễn Thị Cẩm T, trẻ Hồ Ngọc Phương T, trẻ Hồ Ngọc Phương Th, trẻ Hồ Thanh B. Nhận thấy, nội dung của văn bản này phù hợp với kết quả trả lời xác minh ngày 13/4/2023 của Công an xã L, huyện B về số người đang trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất trên.

Do đó, cần buộc Công ty T, ông Hồ Thanh T, bà Nguyễn Thị Cẩm T, trẻ Hồ Ngọc Phương T, trẻ Hồ Ngọc Phương Th, trẻ Hồ Thanh B phải giao trả lại cho Công ty C phần diện tích đất nêu trên là phù hợp.

Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn xin vắng mặt, không có yêu cầu gì và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trẻ Hồ Ngọc Phương T, trẻ Hồ Ngọc Phương Th, trẻ Hồ Thanh B có đại diện hợp pháp là ông Hồ Thanh T và ông T có ý kiến nêu trên.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã nộp 10.722.428 đồng cho Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty T, ông Hồ Thanh T, bà Nguyễn Thị Cẩm T, trẻ Hồ Ngọc Phương T, trẻ Hồ Ngọc Phương Th, trẻ Hồ Thanh B có trách nhiệm hoàn trả lại chi phí này cho Công ty C là phù hợp với khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Công ty T, ông Hồ Thanh T, bà Nguyễn Thị Cẩm T, trẻ Hồ Ngọc Phương T, trẻ Hồ Ngọc Phương Th, trẻ Hồ Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 158, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 158, Điều 164, Điều 166, Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Buộc Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải T, ông Hồ Thanh T, bà Nguyễn Thị Cẩm T, trẻ Hồ Ngọc Phương T, trẻ Hồ Ngọc Phương Th, trẻ Hồ Thanh B trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên C phần đất có diện tích 1.392,8m^2 tại vị trí (6), (7), (8), (9), (10), (11) được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 23/5/2023 (Số hợp đồng: 15491/TTĐĐBĐ-VPĐD (CS1). Vị trí đất thuộc một phần thửa 18 tờ bản đồ số 1, 4 Bộ địa chính xã L, huyện B, Thành phố H tương ứng một phần thửa 204 tờ bản đồ thứ 1 Bộ địa chính L, huyện B, Thành phố H.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận Tải T, ông Hồ Thanh T, bà Nguyễn Thị Cẩm T, trẻ Hồ Ngọc Phương T, trẻ Hồ Ngọc Phương Th, trẻ Hồ Thanh B có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên C số tiền 10.722.428 đồng (Mười triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm hai mươi tám đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải T, ông Hồ Thanh T, bà Nguyễn Thị Cẩm T, trẻ Hồ Ngọc Phương T, trẻ Hồ Ngọc Phương Th, trẻ Hồ Thanh B chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Một thành viên C 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0042428 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố H.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sủa đổi bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…)

Nguyễn Thị Ngọc Châu